

Cần thiết phải hoàn thiện chính sách cạnh tranh ở Việt Nam

DẶNG QUANG VINH*

Tự do cạnh tranh là tiền đề cho sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế thị trường, là điều kiện tiên quyết để các nền kinh tế hoạt động tối ưu, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và là động lực phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa có một chính sách toàn diện về cạnh tranh; hệ thống pháp luật về cạnh tranh chưa đầy đủ, chưa thực sự có hiệu lực; cơ quan thi hành pháp luật cạnh tranh thiếu tính độc lập, thiếu năng lực và chưa đủ mạnh. Hiện trạng này đòi hỏi phải hoàn thiện chính sách cạnh tranh ở Việt Nam để cải cách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

PHÁP LUẬT VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT CẠNH TRANH CHƯA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU

Việt Nam đã có Luật Cạnh tranh từ năm 2004. Tuy nhiên, có thể nói Việt Nam chưa có một chính sách cạnh tranh toàn diện và hiệu quả. Theo thông lệ, chính sách cạnh tranh được hiểu là tập hợp các quy định pháp luật và việc thi hành các quy định đó về kiểm soát độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh và các chính sách phát triển thị trường, trong đó có quy định pháp luật về gia nhập thị trường và kinh doanh nói chung, các hành động can thiệp của Nhà nước nhằm giúp doanh nghiệp cạnh tranh trên một sân chơi bình đẳng. Như vậy, một chính sách cạnh tranh toàn diện không chỉ là Luật Cạnh tranh và việc thi hành nó, mà căn bản nó phải là một tư duy về việc tích cực, chủ động tạo dựng một sân chơi bình đẳng cho doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, quy mô và lĩnh vực để nguồn lực quốc gia được sử dụng hiệu quả nhất và để doanh nghiệp luôn có động lực đổi mới, sáng tạo. Đó là điều kiện tiên quyết cho phát triển bền vững, không phải tài nguyên hay vị trí địa lý thuận lợi.

Sau hơn 30 năm xây dựng kinh tế thị trường, Việt Nam vẫn chưa quan tâm đầy

đủ đến xây dựng và thi hành chính sách, pháp luật về trật tự thị trường, trong đó nền tảng là vấn đề cạnh tranh bình đẳng. Cạnh tranh chưa có được vai trò đáng có của nó trong hệ thống chính sách kinh tế quốc gia. Do đó, hệ thống chính sách cạnh tranh hiện nay có nhiều điểm chưa phù hợp với nhu cầu của một nền kinh tế thị trường hiện đại, hiệu quả, thể hiện qua những điểm sau:

Một là, hệ thống pháp luật về cạnh tranh chưa đầy đủ, chưa hiệu lực và chưa đáp ứng được yêu cầu của một nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại như yêu cầu của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII.

Luật Cạnh tranh hiện hành có hiệu lực từ năm 2005 mặc dù đã tạo ra một nền tảng pháp lý cần thiết để xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh, gây hại cho nền kinh tế, Luật Cạnh tranh cho đến nay chưa để lại nhiều dấu ấn trong đời sống kinh tế - xã hội. Lý do chủ yếu là:

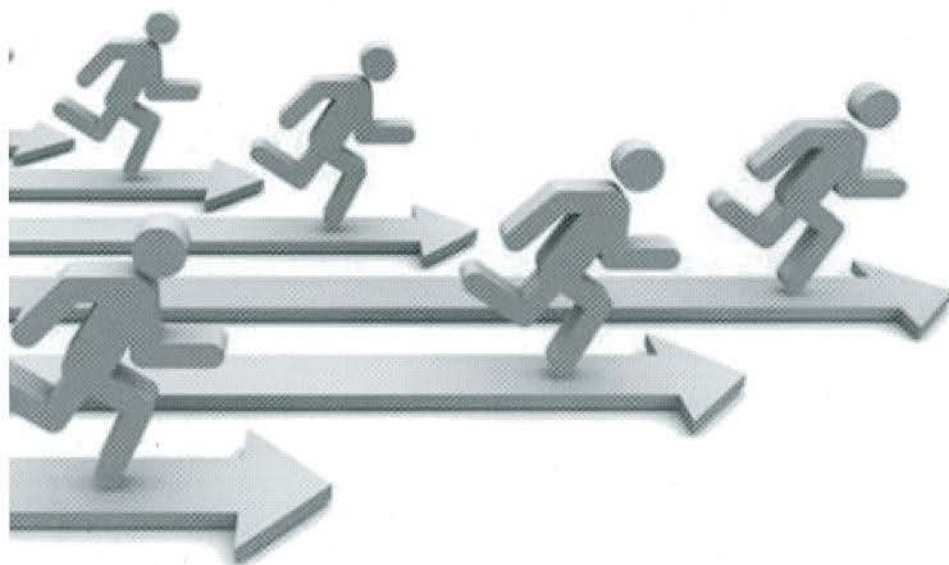
(i) Luật Cạnh tranh có nhiều ngoại trừ, ví dụ như miễn trừ áp dụng điều cấm về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (Điều 10), hoặc miễn trừ điều cấm về tập trung kinh tế (Điều 19);

(ii) Chưa có quy định cụ thể để xử lý hành vi của cơ quan nhà nước khi họ vi phạm các điều cấm về cạnh tranh (Điều 6);

(iii) Bộ máy thực thi pháp luật cạnh tranh không đủ năng lực.

Về bộ máy thực thi pháp luật cạnh tranh, việc đặt Cục Quản lý Cạnh tranh (VCA) tại Bộ Công Thương, cơ quan sở hữu nhiều doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh đơn thuần, là một trở ngại đối với việc thi hành hiệu quả Luật

* TS., Ban Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
Email: dangquangvinh@mpi.gov.vn



Cạnh tranh. VCA đã từng gặp khó khăn trong việc điều tra, xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của một số công ty thép quy mô khá lớn, như Tổng Công ty Thép Việt Nam (Vinasteel), là doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương. Bên cạnh đó, trong khi VCA không đủ nhân lực trình độ cao để thực hiện điều tra chống hành vi hạn chế cạnh tranh, cơ quan này lại được giao nhiều chức năng không phải cốt lõi của một cơ quan thi hành chính sách cạnh tranh, ví dụ như điều tra xử lý doanh nghiệp đa cấp, hoặc cảnh báo kiện bán phá giá ở thị trường nước ngoài.

Một cơ quan khác đảm bảo thi hành Luật Cạnh tranh là Hội đồng Cạnh tranh (VCC). VCC có chức năng phán xử việc vi phạm các điều khoản của Luật Cạnh tranh và hình thức xử lý vi phạm. Tuy nhiên, VCC chủ yếu bao gồm các quan chức của các bộ, ngành, không có các chuyên gia kinh tế hay pháp luật về cạnh tranh. Điều này khiến nhiều người phải hoài nghi về khả năng đưa ra các phán quyết có hiệu quả về việc duy trì một môi trường kinh tế thị trường cạnh tranh lành mạnh.

Hai là, Việt Nam thực hiện chính sách “kinh tế nhà nước là chủ đạo”. Điều này tất nhiên sẽ dẫn đến ưu tiên các DNNN. Do đó, các DNNN được tiếp cận nguồn lực nhiều hơn, được trao nhiều quyền kinh doanh hơn, thậm chí độc quyền. DNNN hiện nay đang độc quyền kinh doanh hoặc chiếm vị trí thống lĩnh trong hầu hết các lĩnh vực đầu vào quan trọng của nền kinh tế, ví dụ, như: dầu khí, điện lực, khai thác than, viễn thông, ngân hàng... Bên cạnh đó, các DNNN cũng được bảo hộ nhiều hơn trong các cuộc đàm phán quốc tế. Hiện tượng các cơ quan nhà nước dành ưu ái cho DNNN ở cấp trung ương và địa phương đã tạo ra một môi trường kinh doanh thiếu bình đẳng.

Việc ưu ái các doanh nghiệp FDI cũng đang được nhiều chuyên gia kinh tế nêu lên. Nhiều người cho rằng, doanh nghiệp FDI nhận được nhiều ưu đãi về tiếp cận

đất đai, miễn giảm thuế và ít bị thanh tra, kiểm tra. Khi vào Việt Nam, khối FDI được miễn giảm thuế trong thời gian dài, còn doanh nghiệp Việt Nam lại không được hưởng ưu đãi này.

Ba là, hệ thống thể chế về kinh doanh của Việt Nam hiện nay đang gây ra nhiều rào cản gia nhập thị trường và do đó hạn chế cạnh tranh. Luật Đầu tư năm 2014 đã tạo ra một bước tiến dài trong tự do hóa kinh doanh, nhưng vẫn có khoảng 250 ngành, nghề kinh doanh cần được cấp phép và thủ tục cấp phép thực tế thường rất phức tạp và tốn kém một cách không cần thiết. Trong các quy định này, nhiều quy định thực sự không cần thiết, không đáp ứng được các tiêu chí về lợi ích công cộng (rủi ro cho an ninh quốc gia và trật tự xã hội...) như Luật Đầu tư 2014 quy định.

So với Danh mục kiểm tra về cạnh tranh của OECD¹, các quy định về kinh doanh của Việt Nam hầu hết đều có dấu hiệu hạn chế cạnh tranh. Cụ thể, Chính phủ ấn định giá cho nhiều hàng hóa quan trọng (xăng dầu, than, đất...), đặt ra quy định khiến một số doanh nghiệp gặp bất lợi hơn (điều kiện kinh doanh đào tạo lái xe là phải dùng phần mềm của Tổng cục Đường bộ), hạn chế lựa chọn của người tiêu dùng (chuyến mạng di động không được giữ số)... Như vậy, ngoài hành vi hạn chế cạnh tranh của doanh nghiệp vốn là căn bệnh cố hữu của tự do kinh doanh, nhiều quy định đã và đang gây ra nhiều trở ngại cho cạnh tranh, mặc dù động cơ ban đầu là bảo vệ quyền lợi người tiêu

¹ Đây là hướng dẫn của OECD để quan chức chính phủ các nước thành viên sử dụng khi xây dựng chính sách, pháp luật.

dùng, hoặc bảo vệ môi trường. Quản lý nhà nước là cần thiết, nhưng bảo vệ quá mức sẽ tạo ra chi phí không cần thiết cho nền kinh tế và cản trở cạnh tranh, giảm cơ hội đạt được tăng trưởng cao và bền vững.

XU HƯỚNG CAN THIỆP LÀM HẠN CHẾ CẠNH TRANH CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Trong những năm gần đây, việc một số cơ quan nhà nước có hành vi hạn chế cạnh tranh xuất hiện ngày càng nhiều. Cụ thể, năm 2015, báo chí truyền thông cho biết, UBND huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh yêu cầu các UBND xã, thị trấn, nhà hàng, khách sạn ưu tiên sử dụng bia Sài Gòn. Cũng trong năm 2015, UBND TP. Hải Phòng ban hành văn bản “yêu cầu” các đơn vị trên địa bàn Thành phố sử dụng dịch vụ của Ngân hàng Techcombank². Những hành vi này rõ ràng là vi phạm Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, các vụ việc này đã không được xử lý thích đáng và nhanh chóng bị lãng quên. Việc sử dụng hình thức chỉ định thầu với tỷ lệ lớn trong mua sắm chính phủ cũng là một biểu hiện thiếu tôn trọng cạnh tranh. Tỷ lệ này còn nhiều hơn ở các tập đoàn, tổng công ty nhà nước³. Cùng với những quy định pháp luật gây ra rào cản gia nhập thị trường, những việc này cho thấy, rào cản cạnh tranh không chỉ đến từ những doanh nghiệp có hành vi tư lợi, mà còn đến từ các quy định pháp luật và hành vi của cơ quan nhà nước.

Mức độ cạnh tranh của các nền kinh tế được đo lường bởi khảo sát các nhà điều hành doanh nghiệp⁴ của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF). Mức độ cạnh tranh là chỉ số thành phần của chỉ số Hiệu quả thị trường hàng hóa, là một trụ cột trong bộ Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI). Chỉ số cạnh tranh của Việt Nam có tăng lên trong những năm gần đây, có lẽ nhờ những cải cách trong tự do hóa kinh doanh và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, theo GCI hiện nay vị trí của Việt Nam là 71/140 nước được đánh giá, thấp hơn khá nhiều so với Singapore

(1/140), Malaysia (9/140), Thái Lan (52/140), mặc dù có cao hơn Indonesia và Philippines.

Hậu quả của việc thiếu vắng một chính sách cạnh tranh toàn diện, hiệu quả là một nền kinh tế trì trệ, thiếu năng động và năng suất tăng chậm. Điều này được biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, từ tăng trưởng năng suất thấp đến cạnh tranh quốc tế thấp.

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Để có một nền kinh tế thị trường lành mạnh và hiệu quả, Chính phủ cần xây dựng một chính sách cạnh tranh quốc gia với tư duy toàn diện về cạnh tranh, trong đó coi thúc đẩy cạnh tranh là một trụ cột của việc thực hiện đột phá trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách này sẽ bao gồm các chính sách, quan điểm của Chính phủ về các vấn đề: vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường; bảo vệ cạnh tranh lành mạnh (Luật Cạnh tranh); DNNN; điều tiết thị trường (cấp phép kinh doanh); và hội nhập quốc tế⁵.

Thứ nhất, Nhà nước cần thay đổi vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường theo hướng chuyển từ can thiệp, điều khiển trực tiếp sang hỗ trợ và định hướng gián tiếp và thúc đẩy tăng trưởng bền vững thông qua việc xây dựng một môi trường kinh doanh thực sự cạnh tranh, bình đẳng để khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư. Các cơ quan nhà nước không nên hiểu “kinh tế nhà nước là chủ đạo” theo nghĩa ưu tiên DNNN và duy trì sự tồn tại của DNNN bằng mọi giá. Chủ đạo trước hết là phải tiên phong trong hiệu quả hoạt động, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, nghĩa là phải có năng lực cạnh tranh trong môi trường bình đẳng, minh bạch. Bên cạnh đó, Nhà nước cần nâng cao tính minh bạch trong xây dựng chính sách ở mọi cấp độ để tránh các nhóm lợi ích chi phối và gây hại cho cạnh tranh nói riêng và phát triển nói chung.

Thứ hai, Nhà nước cần sửa Luật Cạnh tranh theo hướng làm rõ các quy định pháp luật, giảm các trường hợp ngoại lệ và tăng các hình thức chế tài để đảm bảo tính răn đe. Luật Cạnh tranh hiện nay có quy định cấm cơ quan nhà nước có hành vi hạn chế cạnh tranh, nhưng Chính phủ chưa có hướng dẫn thi hành mặc dù Luật đã có hiệu lực gần 13 năm. Mức phạt 10% doanh thu của năm tài chính liền trước không đủ tính răn đe, nhất là đối với những doanh nghiệp mới thành lập. Đặc biệt, cần nâng cao vị thế và năng lực của VCC và VCA để các cơ quan này có thể đảm bảo pháp luật cạnh tranh được tuân thủ đầy đủ, theo hướng sau:

Về vị thế, cần đảm bảo VCA có thể hoạt động độc lập và không bị tác động chính trị, đồng thời VCC

² Baogiaothong.com, “Techcombank có dấu hiệu vi phạm Luật cạnh tranh?”, ngày 21/08/2015. Xem tại <http://www.baogiaothong.vn/techcombank-co-dau-hieu-vi-pham-luat-can-hanh-tranh-d117372.html>

³ Baodauthau.vn, “Soi kết quả đấu thầu của các “ông lớn”: Tiết kiệm ít, vẫn thích chỉ định thầu”, ngày 21/03/2016. Xem tại <http://baodauthau.vn/da-thau/soi-ket-qua-dau-thau-cua-cac-ong-lon-tiet-kiem-it-van-thich-chi-dinh-thau-19876.html>

⁴ Executive Opinion Survey do WEF thực hiện hàng năm với hơn 10.000 lãnh đạo doanh nghiệp tham gia trả lời.

⁵ Thông thường chính sách cạnh tranh đi liền với bảo vệ người tiêu dùng. Tuy nhiên, trong khung khổ của bài viết này chúng tôi chỉ tập trung vào chủ đề cạnh tranh.

cũng không bị chi phối khi phải đưa ra phán quyết về các vụ việc cạnh tranh liên quan đến DNNN, hoặc các công ty tư nhân, thân hữu có ảnh hưởng chính trị. Sắp tới, khi Chính phủ tách các DNNN ra khỏi các bộ chủ quản, nhất là Bộ Công Thương, cơ hội để VCC và VCA có hoạt động độc lập sẽ lớn hơn. Tuy nhiên, cần phải có các điều khoản rõ ràng trong Luật Cạnh tranh để đảm bảo VCC và VCA chỉ hoạt động theo luật và có được những phán quyết công bằng và hiệu quả trong việc duy trì một môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng. Đồng thời, VCA và VCC cần có đủ thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin đối với cả doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước khi họ thực hiện điều tra, nghiên cứu các hành vi hạn chế cạnh tranh.

“ Nhà nước cần rút lui khỏi những lĩnh vực thương mại đơn thuần, không có tính chiến lược và không cần sự tham gia của Nhà nước, để tạo không gian và môi trường bình đẳng hơn cho khu vực kinh tế tư nhân. ”

Về năng lực, VCA cần được bổ sung nhân lực có hiểu biết về kinh tế và pháp luật đầy đủ để đảm bảo khả năng nghiên cứu thị trường và xử lý kịp thời các diễn biến có khả năng gây hại cho cạnh tranh. Hơn nữa, với nguồn lực hạn chế, VCA cần tập trung vào chức năng cốt lõi của một cơ quan đảm bảo cạnh tranh, cụ thể là chống các hành vi lạm dụng vị trí độc quyền, thống lĩnh thị trường, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh... và hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng pháp luật phù hợp với tinh thần tự do cạnh tranh, tránh các quy định tạo rào cản cạnh tranh.

Thứ ba, Nhà nước cần triển khai mạnh mẽ chương trình cải cách DNNN theo hướng giảm thiểu phạm vi hoạt động theo sự phân loại rõ ràng về lĩnh vực nhà nước cần nắm sở hữu chi phối, nâng cao chất lượng quản trị và đảm bảo cạnh tranh. Cạnh tranh là cách tốt nhất thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, khả năng cạnh tranh và dẫn đầu của DNNN. Nhà nước cần thu hẹp phạm vi kinh tế mà Nhà nước cần đầu tư trên cơ sở nhu cầu định hướng chiến lược của Nhà nước đối với nền kinh tế. Trên cơ sở đó, Nhà nước cần rút lui khỏi những lĩnh vực thương mại đơn thuần, không có tính chiến lược và không cần sự tham gia của Nhà nước, để tạo không gian và môi trường bình đẳng hơn cho khu vực kinh tế tư nhân. Trong các lĩnh vực DNNN đang độc quyền, ví dụ như phân phối điện, Nhà nước cần sớm tự do hóa kinh doanh, cho phép các thành phần kinh tế khác tham gia để tăng cạnh tranh. Đối với những DNNN còn giữ lại Nhà nước cần áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại theo thông lệ tốt của kinh tế thị trường, thực hiện nghiêm pháp luật, kỷ cương hành chính nhà nước và kỷ luật thị trường để đảm bảo các DNNN cạnh

tranh bình đẳng, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong khu vực DNNN nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Ở đây Nhà nước cần đảm bảo tính trung lập về cạnh tranh và không thiên vị DNNN trong quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện quản lý nhà nước. Trong tương lai, việc can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế thông qua DNNN phải được thay thế bằng các công cụ phù hợp với thị trường, ví dụ như: dùng dự trữ quốc gia để cân đối cung - cầu, ổn định giá các mặt hàng thiết yếu thay vì sở hữu doanh nghiệp và duy trì mức độ tập trung kinh tế cao (ví dụ như ngành xăng dầu).

Thứ tư, Nhà nước cần đẩy mạnh cải cách thể chế, tự do hóa kinh doanh, thúc đẩy gia nhập thị trường, tăng cạnh tranh. Cụ thể, cần rà soát lại toàn bộ các quy định pháp luật để tiếp tục loại bỏ bớt những ngành, nghề không cần điều kiện và đơn giản hóa thủ tục cấp phép đối với các ngành, nghề cần quản lý bằng cấp phép. Ngoài ra, Nhà nước cần rà soát lại các quy định pháp luật khác, bao gồm các quy định về: thuế, lao động, bảo hiểm, thương mại qua biên giới, tiếp cận tín dụng... nhằm tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hoạt động để họ tập trung vào nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân, để sự sàng lọc tự nhiên diễn ra nhanh hơn và để doanh nghiệp có thêm động lực sáng tạo. Thực hiện triệt để các giải pháp, mà Chính phủ đã nêu trong các nghị quyết 19 trong 3 năm qua, cũng là biện pháp quan trọng để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế nước ta.

Thứ năm, về mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần chuẩn bị các điều kiện về pháp lý và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp để có thể thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của các hiệp định thương mại tự do Việt Nam mới đàm phán, ký kết gần đây (TPP, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc). Đây là giải pháp quan trọng để thúc đẩy cạnh tranh trong nước. Tự do hóa thương mại, đầu tư quốc tế kết hợp với cải cách thể chế trong nước sẽ tạo ra động lực và điều kiện to lớn cho các doanh nghiệp trong nước vươn lên cạnh tranh trên sân nhà, cũng như nền kinh tế toàn cầu. Trì hoãn thực hiện cam kết quốc tế chỉ làm cho cơ hội của nền kinh tế đến chậm hơn, hoặc mất đi trong cuộc cạnh tranh kinh tế toàn cầu khốc liệt hiện nay. □

- Ưu tiên hỗ trợ nhà văn hóa cộng đồng, đưa thông tin về cơ sở, trợ giúp pháp lý miễn phí đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa bàn đặc biệt khó khăn;

- Xây dựng dự án bảo tồn đối với các nhóm dân tộc ít người, dự án định canh định cư để hỗ trợ người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn (núi đá, lũ quét, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai).

(ii) Tiếp tục và mở rộng thực hiện các chính sách ưu đãi đối với huyện nghèo, xã nghèo:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, bao gồm: chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo; chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện.

- Ưu tiên đầu tư trước để hoàn thành, đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới đối với cơ sở trường lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa ở các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

(iii) Ưu tiên vốn cho huyện nghèo, xã nghèo. Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và các chương trình khác phải tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các huyện nghèo, xã nghèo để đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở các địa bàn này.

Tóm lại, để tháo gỡ tâm lý ỷ lại, cần giảm mạnh những hỗ trợ trực tiếp, cho không và chuyển dần sang hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ có thu hồi và nâng cao ý thức của người hưởng lợi. Chú trọng tập trung ngân sách cho hỗ trợ hộ nghèo

phát triển sản xuất, kinh doanh để thoát nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của người nghèo để giúp họ thoát nghèo bền vững. Tạo điều kiện để người nghèo tham gia vào các chuỗi giá trị hàng nông sản. Thay việc hỗ trợ sinh kế tản mạn, nhỏ lẻ hiện nay thành các tiểu dự án hỗ trợ sinh kế cho xã hội và có thời gian hoạt động đủ dài để xây dựng phương án sinh kế giảm nghèo theo điều kiện và khả năng của người dân.

Thứ tư, các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cần chú trọng vào việc nâng cao năng lực tự thoát nghèo

Tính ỷ lại, thụ động vào các chương trình hỗ trợ giảm nghèo đối với nhiều địa phương và nhiều nhóm nghèo còn phổ biến. Trong chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số... vẫn là những khu vực được hưởng nhiều ưu tiên đặc biệt thể hiện trong các mục tiêu và chương trình giảm nghèo.

Trong bối cảnh mới hiện nay về giảm nghèo, mục tiêu đặt ra cần phải giảm nghèo bền vững, được thực hiện đo lường trên nhiều khía cạnh, chứ không chỉ căn cứ trên chỉ tiêu về thu nhập, đồng thời cần có lại khoảng cách về tỷ lệ giảm nghèo giữa các khu vực. Do vậy, các chính sách cũng cần phải có nhiều điều chỉnh mới phù hợp với bối cảnh hiện tại và đặc biệt chú ý đến những tầm nhìn dài hạn. Điều quan trọng nữa để giúp các hộ nghèo thoát nghèo bền vững, chính sách hỗ trợ như trước đây cũng cần điều chỉnh mục tiêu sao cho bao phủ được tất cả các nhóm nghèo, hỗ trợ tốt nhất cho các tổ chức tham gia vào thị trường của người nghèo, giúp người nghèo nhận thức được họ cần phải chủ động và vận động thực sự để tự nâng cao được năng lực thoát nghèo, mà không chỉ là trông chờ vào các chính sách hỗ trợ.

Theo đó, cần phải có những hoạt động cụ thể, bằng cách chỉ cho họ những phương thức thoát nghèo, hỗ trợ xây dựng cho họ các mô hình sản xuất, kinh doanh thoát nghèo và có tính nhân rộng hiệu quả, bền vững, đồng hành bên cạnh là những chính sách hỗ trợ sát, đúng với thực tế mà không gây lãng phí các nguồn lực thực hiện...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2008). *Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*
2. Ủy ban Dân tộc (2016). *Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015*
3. Văn phòng Chính phủ (2015). *Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Bắc tại Hội nghị bàn biện pháp giảm nghèo nhanh, bền vững 06 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng Tây Bắc, số 416/TB-VPCP, ngày 31/12/2015*
4. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2015). *Báo cáo kết quả giảm nghèo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về giảm nghèo năm 2014, Hà Nội, ngày 05/02/2015*
5. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2016). *Báo cáo thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn Tây Bắc, Tài liệu phục vụ Hội nghị “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo tại các tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng Tây Bắc”, Hà Nội, ngày 26/08/2016*